TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/**2023/DS-ST
Ngày: 16/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Cao Hiền Lương**

Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Hà** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/ 2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng S**

Trụ sở: Lầu .., số…, đường N, phường V, Quận…, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **N.Đ.T.D** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH Một thành viên Q**. Trụ sở: Số …, đường N, phường V, Quận …, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **L.N.T** - Tổng Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **N.T.H** - Nhân viên, theo Giấy ủy quyền số 231/2023/GUQ-PL ngày 07/02/2023. Địa chỉ làm việc: Tầng …, số …, phố B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. - *Có mặt ông Hải.*

Bị đơn: Chị **P.M.L**, sinh năm 1986. - *Vắng mặt.*

Nơi thường trú: Số …, phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú cuối cùng: Phòng …, Tòa …, … City, số …, phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, Bản tự khai ngày 24/3/2023, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng S** trình bày:

Ngày 29/8/2014, chị P.M.L và Ngân hàng S ký với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của chị L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Visa Credit Classic, số thẻ 436438-0925, với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, chị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 296.395.877 đồng, thanh toán được số tiền 277.900.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, nhưng chị L không có thiện chí trả nợ. Do chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 15/7/2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất thẻ quá hạn được áp dụng là 2,15% x 150% = 3,225%. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị L phải trả ngay tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 331.364.380 đồng, gồm nợ gốc là 102.501.827 đồng, tiền lãi quá hạn là 228.862.553 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 23/3/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là chị **P.M.L** đã được tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để chị L biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập chị L đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, chị L không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do chị L không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc chị L thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 16/5/2023 là 337.314.586 đồng, trong đó nợ gốc là 102.501.827 đồng, lãi quá hạn là 234.812.759 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày chị L thanh toán được toàn bộ khoản vay. Chị L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết

vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về nợ gốc, sau ngày 15/4/2017, chị L không thanh toán nợ gốc, không phát sinh giao dịch. Số dư đầu kì ngày 15/5/2017 là 93.559.591 đồng. Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, nhưng cộng số tiền phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, lãi, phí thường niên để xác định số nợ gốc là 102.501.827 đồng là không có căn cứ, xác định số nợ gốc của chị L là 93.559.591 đồng. Về tiền lãi, buộc chị L phải trả số tiền lãi trong hạn chưa trả và lãi quá hạn tính từ ngày 16/5/2017 trên số nợ gốc là 93.559.591 đồng. Về án phí: Đề nghị Tòa án xác định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với chị P.M.L, thường trú tại số …, phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, cư trú cuối cùng tại Phòng …, Tòa .., … City, số …, phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tòa án đã đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin xuất cảnh, nhập cảnh của chị L. Tại văn bản số 319/QLXNC-P5 ngày 04/01/2021, Cục Quản lý xuất nhập cảnh cho biết chị L đã được cấp lần lượt 03 hộ chiếu, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối cùng xuất cảnh ngày 02/6/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B6573291, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tòa án đã xác minh Công an phường P và phường V, nhưng không biết địa chỉ của chị L. Bố đẻ của chị L là ông P.V.T cũng không biết địa chỉ của chị L để cung cấp cho Tòa án. Do không xác định được địa chỉ ở nước ngoài của chị L, nên coi là thuộc trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ, Tòa án niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nơi thường trú, nơi cư trú cuối cùng của chị L và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị P.M.L là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 29/8/2014, chị P.M.L ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, với hạn mức tín dụng mong

muốn là 100.000.0000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng S - Chi nhánh Đ chấp thuận đề nghị và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho chị L hạn mức là 100.000.0000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, trong đó tại các Điều 1, 16, 18, 19, 20, 23 và 24 có quy định: "Dư nợ thẻ (gọi tắt là dư nợ) là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ"; "Chủ thẻ phải theo dõi tổng dư nợ của mình để không vượt hạn mức được phê duyệt vào bất cứ thời điểm nào. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt quá hạn mức"; "Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên Thông báo"; "Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ"; "thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ"; "lãi suất theo thỏa thuận giữa đơn vị phát hành và chủ thẻ"; "…lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại… đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ"; "Bên cạnh lãi suất, chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ". Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011, lãi suất thẻ là 2,15%/tháng. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Hợp đồng tín dụng đã giao kết thuộc loại có kỳ hạn trả nợ là 01 tháng. Vào ngày 15 hàng tháng, Ngân hàng S gửi thông báo giao dịch thẻ cho chị P.M.L gồm các thông tin về dư nợ đầu kỳ, ngày giao dịch, số tiền giao dịch, nợ phát sinh trong kỳ, phí và lãi, khoản đã thanh toán, số tiền phải thanh toán tối thiểu, dư nợ cuối kỳ để chị L biết và thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước ngày 10 của tháng tiếp theo. Ngày 22/9/2014, Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng cho chị L với hạn mức là 100.000.000 đồng. Theo Tóm tắt sao kê tài khoản của chị L, từ ngày 22/9/2014 đến ngày 15/7/2017, chị L đã thực hiện các giao dịch thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ, với tổng số tiền là 296.395.877 đồng, phải chịu tiền lãi trong hạn là 71.209.944 đồng, phí trễ hạn là 8.752.488 đồng, phí vượt hạn mức là 1.046.518 đồng, phí khác là 2.997.000 đồng, tổng số tiền là 380.401.827 đồng, chị L chỉ trả được 277.900.000 đồng, dư nợ thẻ là 102.501.827 đồng. Nay Ngân hàng S yêu cầu chị L trả số nợ gốc là 102.501.827 đồng, chị L không có ý kiến phản đối. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại khoản 1.9 Điều 1

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc chị L trả số nợ gốc tính đến ngày 16/5/2023 là 102.501.827 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn: Ngày cuối cùng chị P.M.L trả nợ là ngày 31/3/2017, số tiền 10.000.000 đồng. Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng có quyền chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/4/2017. Tuy nhiên, trong 03 kỳ hạn trả nợ tiếp theo, Ngân hàng chỉ tính lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức là tạo điều kiện cho chị L có thể trả được nợ và tiếp tục sử dụng thẻ tín dụng. Do chị L không trả được nợ, nên Ngân hàng chốt dư nợ thẻ tính đến ngày 15/7/2017 là 102.501.827 đồng và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị L, bắt đầu tính lãi quá hạn. Nay Ngân hàng S yêu cầu chị L trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/7/2017 đến ngày 16/5/2023 là: 102.501.827 đồng x 2,15%/tháng x 150% x 2.131 ngày = 234.812.759 đồng (Làm tròn lãi suất theo ngày là 110.189 đồng/ngày). Chị L không có ý kiến phản đối. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc chị L phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/5/2023 là 234.812.759 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 5.747.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp; chị L phải trả Ngân hàng S 337.314.586 đồng, nên phải chịu 16.865.729 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc đòi chị P.M.L trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 29/8/2014. Buộc chị P.M.L trả Ngân hàng S các khoản tiền tính đến ngày 16/5/2023 gồm: Nợ gốc là 102.501.827 đồng, tiền lãi quá hạn là 234.812.759 đồng, tổng số tiền là 337.314.586 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm mười bốn nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng S được nhận lại số tiền 5.747.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013252 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3.2. Chị P.M.L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.865.729 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P.M.L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam